

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

Số tờ khai
Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng
Mã phân loại kiểm tra
Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai
Ngày đăng ký

108186175531
2
24/04/2026 16:28:19

Số tờ khai đầu tiên
Mã loại hình
HQSGKV1

/
A11 2 [4]
25/04/2026 08:39:27

Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai
Mã bộ phận xử lý tờ khai
Thời hạn tái nhập/ tái xuất

0307
01

108186175531

Người nhập khẩu



Người xuất khẩu

Mã Tên
Mã bưu chính
Địa chỉ
Mã nước

SOFRIMAR
KILMOR QUAY, CO. WEXFORD
E
IRELAN

Y35 DFKO

Người ủy thác xuất khẩu D IE

Đại lý Hải quan			Mã nhân viên Hải quan
Số vận đơn	Địa điểm lưu kho	02CIS01	TONG CTY TAN CANGSG
1 040326EGLV511600003416	Địa điểm dỡ hàng	VNCLI	CANG CAT LAI (HCM)
2	Địa điểm xếp hàng	IEDUB	DUBLIN
3	Phương tiện vận chuyển		
4		9999	EVER OPTIMA 0470-045N
5	Ngày hàng đến		27/04/2026
Số lượng	Ký hiệu và số hiệu		
Tổng trọng lượng hàng (Gross)			
Số lượng container			
4.400 CT			
24.200 KGM			
1			
	Ngày được phép nhập kho đầu tiên		
	Mã văn bản pháp quy khác		

Số hóa đơn
Số tiếp nhận hóa đơn điện tử
Ngày phát hành
Phương thức thanh toán
Tổng trị giá hóa đơn
Tổng trị giá tính thuế
Tổng hệ số phân bổ trị giá
Mã kết quả kiểm tra nội dung

A - 44995
27/02/2026
KC
A - CIF - EUR -
-
-
-

Giấy phép nhập khẩu			
1 FQ02 - BNNPTNT10260162316	2	-	3 -
4 -	5	-	-
Mã phân loại khai trị giá	6	-	-
Khai trị giá tổng hợp		-	-
Các khoản điều chỉnh			
Phí vận chuyển	- - -		
Phí bảo hiểm	-		
Mã tên	Mã phân loại	Trị giá khoản điều chỉnh	Tổng hệ số phân bổ
1 -	-	-	
2 -	-	-	
3 -	-	-	
4 -	-	-	
5 -	-	-	

Chi tiết khai trị giá

04032026#& Hàng tươi sống chưa qua chế biến. Phương thức thanh toán TT

Tên sắc thuế	Tổng tiền thuế	Số dòng tổng	Tổng tiền thuế phải nộp	VND
1	VND		Số tiền bảo lãnh	VND
2	VND		Tỷ giá tính thuế	EUR -
3	VND			-
4	VND			-
5	VND			-
6	VND		Mã xác định thời hạn nộp thuế	Người nộp thuế
			Mã lý do đề nghị BP	Phân loại nộp thuế
			Tổng số trang của tờ khai	5
			Tổng số dòng hàng của tờ khai	3

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

Số tờ khai	108186175531	Số tờ khai đầu tiên	/			
Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng						
Mã phân loại kiểm tra	2	Mã loại hình	A11	2 [4]	Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai	0307
Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai				Mã bộ phận xử lý tờ khai	01	
Ngày đăng ký	24/04/2026 16:28:19	HQSGKV1	25/04/2026 08:39:27	Thời hạn tái nhập/ tái xuất		
Số đính kèm khai báo điện tử	gốc 1	ETC - 722578706750	2	-	3	-
Phần ghi chú	GCN nguồn không số ngày 19/03/2026					
Số quản lý của nội bộ doanh nghiệp	Ngày thay đổi đăng ký		Số quản lý người sử dụng		00015	
Phân loại chỉ thị của Hải quan	Tên		Nội dung			
1	24/04/2026	k3	hàng lấy mẫu kiểm tra chuyên		ngành tại cảng	
2	/	/				
3	/	/				
4	/	/				
5	/	/				
6	/	/				
7	/	/				
8	/	/				
9	/	/				
10	/	/				

Mục thông báo của Hải quan	
Tên trưởng đơn vị Hải quan	Trưởng HQCK cảng Sài Gòn khu vực 1
Ngày cấp phép	29/04/2026 17:18:51
Ngày hoàn thành kiểm tra	29/04/2026 17:18:51
Phân loại thẩm tra sau thông quan	
Ngày phê duyệt BP	// /
Ngày hoàn thành kiểm tra BP	/
Số ngày mong đợi đến khi cấp phép nhập khẩu	
Tổng số tiền thuế chậm nộp	

Dành cho VAT hàng hóa đặc biệt

Thời hạn cho phép vận chuyển bảo thuế (khởi hành)				
	Địa điểm	Ngày đến		Ngày khởi hành
Thông tin trung chuyển	1	/ /	~	/ /
	2	/ /	~	/ /
	3	/ /	~	/ /
Địa điểm đích cho vận chuyển bảo thuế		/ /		

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

Số tờ khai	108186175531	Số tờ khai đầu tiên	/			
Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng						
Mã phân loại kiểm tra	2	Mã loại hình	A11	2 [4]	Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai	0307
Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai					Mã bộ phận xử lý tờ khai	01
Ngày đăng ký	24/04/2026 16:28:19	HQSGKVI	25/04/2026 08:39:27	Thời hạn tái nhập/ tái xuất		

<01>					
Mã số hàng hóa	03079200	Ngày thay đổi đăng ký			
Mô tả hàng hóa	Ốc có vỏ đông lạnh(Ốc Bulot)	Mã quản lý riêng			
	thùng 5kgs. NSX: Sofrimar. Hàng mới 100%		Mã phân loại tái xác nhận giá[]		
				Tên KH: Buccinum undatum,	

		Số lượng (1)	8.800	KG
Số của mục khai khoản điều chỉnh		Số lượng (2) Đơn	8.800	M
Trị giá hóa đơn		giá hóa đơn	EUR	KG
Thuế nhập khẩu				M
Trị giá tính thuế(S)	VND	Trị giá tính thuế(M)	-	KG
Số lượng tính thuế		Đơn giá tính thuế	-VND	- M KGM
Thuế suất	A	Mã áp dụng thuế tuyệt đối		
Số tiền thuế	VND	Nước xuất xứ	IE -IRELAND	B01
Số tiền miễn giảm	VND	Mã ngoài hạn ngạch		
Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng				
Danh mục miễn thuế nhập khẩu	-			
Miễn / Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu				

Thuế và thu khác				
1	Tên	Thuế GTGT	Mã áp dụng thuế suất	V
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	VND	SP CAY, RUNG TRONG, CHAN	
	Số tiền miễn giảm	VND	VK010 NUOI, THUY SAN NUOI TRONG, DANH BAT	
2	Tên		Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		
3	Tên		Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		
4	Tên		Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		
5	Tên		Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

Số tờ khai	108186175531	Số tờ khai đầu tiên	/			
Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng						
Mã phân loại kiểm tra	2	Mã loại hình	A11	2 [4]	Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai	0307
Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai		Mã bộ phận xử lý tờ khai				01
Ngày đăng ký	24/04/2026 16:28:19	HQSGKVI	25/04/2026 08:39:27	Thời hạn tái nhập/ tái xuất		

<02>				
Mã số hàng hóa	03079200	Ngày khai hàng hóa	Mã phân loại tái xác nhận giá[]	
Mô tả hàng hóa	Ốc có vỏ đông lạnh(Ốc Bulot) - Frozen Whole Whelk. Size 30-50 con/kg. Tên KH: Buccinum undatum, thùng 5kgs. NSX: Sofrimar. Hàng mới 100%			

		Số lượng (1)	7.700	KG		
Số của mục khai khoản điều chỉnh		Số lượng (2) Đơn	7.700	M		
Trị giá hóa đơn		giá hóa đơn		EUR	KG	
Thuế nhập khẩu					M	
Trị giá tính thuế(S)	VND	Trị giá tính thuế(M)	-		KG	
Số lượng tính thuế		Đơn giá tính thuế		-VND	- M	KGM
Thuế suất	A	Mã áp dụng thuế tuyệt đối				
Số tiền thuế	VND	Nước xuất xứ	IE	-IRELAND B01		
Số tiền miễn giảm	VND	Mã ngoài hạn ngạch				
Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng						
Danh mục miễn thuế nhập khẩu		-				
Miễn / Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu						

Thuế và thu khác					
1	Tên	Thuế GTGT	Mã áp dụng thuế suất	V	
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế		
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác		
	Số tiền thuế	VND	VK010	SP CAY, RUNG TRONG, CHAN	
	Số tiền miễn giảm	VND		NUOI, THUY SAN NUOI TRONG, DANH BAT	
2	Tên		Mã áp dụng thuế suất		
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế		
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác		
	Số tiền thuế	VND			
	Số tiền miễn giảm	VND			
3	Tên		Mã áp dụng thuế suất		
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế		
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác		
	Số tiền thuế	VND			
	Số tiền miễn giảm	VND			
4	Tên		Mã áp dụng thuế suất		
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế		
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác		
	Số tiền thuế	VND			
	Số tiền miễn giảm	VND			
	Tên				
5	Trị giá tính thuế		Mã áp dụng thuế suất		
	Thuế suất	VND	Số lượng tính thuế		
	Số tiền thuế		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác		
	Số tiền miễn giảm	VND			
		VND			

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

Số tờ khai	108186175531	Số tờ khai đầu tiên	/			
Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng						
Mã phân loại kiểm tra	2	Mã loại hình	A11	2 [4]	Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai	0307
Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai			Mã bộ phận xử lý tờ khai			01
Ngày đăng ký	24/04/2026 16:28:19	HQSGKVI	25/04/2026 08:39:27	Thời hạn tái nhập/ tái xuất		

<O3>				
Mã số hàng hóa	03079200	Ngày khai hàng hóa đăng ký	Mã phân loại tái xác nhận giá[]	
Mô tả hàng hóa	Ốc có vỏ đông lạnh(Ốc Bulot) - Frozen Whole Whelk. Size 50-80 con/kg. Tên KH: Buccinum undatum, thùng 5kgs. NSX: Sofrimar. Hàng mới 100%			

		Số lượng (1)	5.500	KG		
Số của mục khai khoản điều chỉnh		Số lượng (2) Đơn	5.500	M		
Trị giá hóa đơn		giá hóa đơn	EUR	KG		
Thuế nhập khẩu				M		
Trị giá tính thuế(S)	VND	Trị giá tính thuế(M)	-	KG		
Số lượng tính thuế		Đơn giá tính thuế	-VND	- M	KGM	
Thuế suất	A	Mã áp dụng thuế tuyệt đối				
Số tiền thuế	VND	Nước xuất xứ	IE -IRELAND B01			
Số tiền miễn giảm	VND	Mã ngoài hạn ngạch				
Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng						
Danh mục miễn thuế nhập khẩu		-				
Miễn / Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu						

Thuế và thu khác

1	Tên	Thuế GTGT	Mã áp dụng thuế suất	V
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	VND	VK010	SP CAY, RUNG TRONG, CHAN
	Số tiền miễn giảm	VND		NUOI, THUY SAN NUOI TRONG, DANH BAT
2	Tên		Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		
3	Tên		Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		
4	Tên		Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		
5	Tên		Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		